

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 21/11/2018

V/v: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Ngọc Oanh

2. Ông Trần Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nga, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 378/2018/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 về việc: “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 43/2018/TB-XX ngày 05 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1982, Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 53, Phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

2. *Bị đơn:* Chị Hà Lệ M, sinh năm 1991, Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 53, Phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18- 9-2018 và các tài liệu có trong hồ sơ cùng lời khai tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N và chị Hà Lệ M tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 9 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nhiều lần vợ chồng cãi nhau nguyên nhân do quan điểm sống tính cách không hợp nhau, chị M không quan tâm đến gia đình mâu thuẫn đó đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành, cũng từ tháng 11 năm 2016 đến nay anh N và chị M sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh N xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Anh N đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn chị Hà Lệ M

Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn N và chị Hà Lệ M có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2013 và cháu Nguyễn Ngọc A,

sinh ngày 19 tháng 5 năm 2015 anh N đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu đến năm 18 tuổi và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Anh Nguyễn Văn N và chị Hà Lệ M không có nên anh N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn chị Hà Lệ M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn chị Hà Lệ M vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N và chị Hà Lệ M tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 9 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Yên Bái, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nhiều lần vợ chồng cãi nhau nguyên nhân do quan điểm sống tính cách không hợp nhau, mâu thuẫn giữa anh N và chị M đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không được, từ tháng 11 năm 2016 đến nay anh N và chị M đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị Hà Lệ M đều lần tránh và vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh N và chị M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Nguyễn Văn N được ly hôn chị Hà Lệ M là có cơ sở.

[3] Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn N và chị Hà Lệ M có 02 con chung: Cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2013 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 19 tháng 5 năm 2015. Hiện nay cháu Đức A và cháu Ngọc A, đang sống cùng anh N cuộc sống ổn định, anh N có thu nhập là 8000.000 đồng /01 tháng việc làm và chỗ ở ổn định, chị M thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Từ những căn cứ nêu trên xét thấy đề nghị của anh N được nuôi dưỡng cháu Đức A và cháu Ngọc A là chính đáng do đó cần giao hai cháu cho anh N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến năm 18 tuổi là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn N không yêu cầu chị Hà Lệ M phải cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn N chưa đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật. Chị Hà Lệ M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N được ly hôn chị Hà Lệ M

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2013 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 19 tháng 5 năm 2015 cho anh Nguyễn Văn N, trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đức A và Ngọc A đủ 18 tuổi. Chị Hà Lệ M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Hà Lệ M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2017/000756, ngày 18-9-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái (anh Nghĩa đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm)

Án xử công khai sơ thẩm, anh Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Hà Lệ M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Yên Bái;
- VKS tp Yên Bái;
- Chi cục THADS tp Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Thuận, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Lâm

